

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

## ĐỀ 4

## I. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Hỗn số  $4\frac{9}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 4,09                      B. 4,99                      C. 4,9                      D. 4,009

**Phương pháp**

Áp dụng cách viết  $\frac{1}{100} = 0,01$

**Lời giải**

Ta có  $4\frac{9}{100} = 4,09$

**Đáp án: A**

**Câu 2.** Số lớn nhất trong các số 180,29 ; 179,86 ; 180,3 ; 180,294 là:

- A. 180,29                      B. 179,86                      C. 180,3                      D. 180,294

**Phương pháp**

So sánh các số để xác định số lớn nhất.

**Lời giải**

Số lớn nhất trong các số 180,29 ; 179,86 ; 180,3 ; 180,294 là: 180,3

**Đáp án: C**

**Câu 3.** Kết quả của phép tính  $522,3 : 1000$  là:

- A. 5,223                      B. 0,5223                      C. 522 300                      D. 0,05223

**Phương pháp**

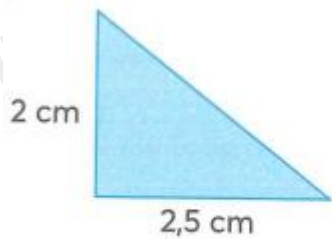
Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

**Lời giải**

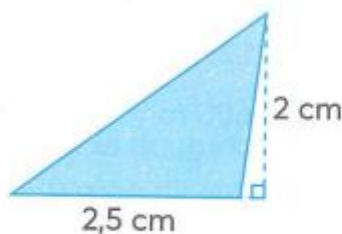
Ta có  $522,3 : 1000 = 0,5223$

**Đáp án: B**

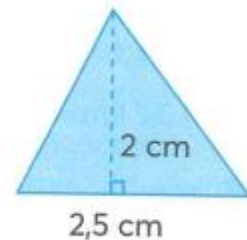
**Câu 4.**



Hình 1



Hình 2



Hình 3

- A. Hình 1 có diện tích lớn nhất  
 B. Hình 2 có diện tích lớn nhất  
 C. Hình 3 có diện tích lớn nhất  
 D. Ba hình có diện tích bằng nhau

**Phương pháp**

Áp dụng kiến thức: Diện tích tam giác = độ dài đáy x chiều cao : 2

**Lời giải**

Ta thấy, các tam giác trong hình có chung độ dài đáy là 2,5 cm và chiều cao 2 cm.

Nên ba hình có diện tích bằng nhau.

**Đáp án: D**

**Câu 5.** Vào buổi chiều, Nam dành 0,2 giờ để đọc truyện và dành 0,75 giờ để chơi cùng em trai. Hỏi Nam đã dành bao nhiêu phút để đọc truyện và chơi cùng em trai?

- A. 60 phút                      B. 57 phút                      C. 55 phút                      D. 47 phút

**Phương pháp**

- Tìm tổng thời gian Nam đọc truyện và chơi với em

-Đổi sang đơn vị phút

**Lời giải**

Thời gian Nam đọc truyện và chơi với em là  $0,2 + 0,75 = 0,95$  (giờ)

Đổi:  $0,95$  giờ =  $0,95 \times 60$  phút = 57 phút

**Đáp án: B**

**Câu 6.** Một mảnh đất dạng hình thang có độ dài hai đáy là 4,5 m và 5,4 m, chiều cao là 12. Diện tích của mảnh đất đó là:

- A. 291,6 m<sup>2</sup>                      B. 118,8 m<sup>2</sup>                      C. 59,4 m<sup>2</sup>                      D. 145,8 m<sup>2</sup>

**Phương pháp**

Diện tích hình thang = (đáy lớn + đáy bé) x chiều cao : 2

**Lời giải**

Diện tích của mảnh đất đó là:  $(5,4 + 4,5) \times 12 : 2 = 59,4$  (m<sup>2</sup>)

**Đáp án: C****II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Tính giá trị biểu thức

a)  $8,64 : (1,46 + 3,34) + 6,32$

b)  $(2,34 + 0,87 - 1,5) \times 6 + 9,756$

c)  $7,5 + 6,5 + 5,5 + 4,5 + 3,5 + 2,5$

d)  $96,28 \times 3,527 + 3,527 \times 3,72$

**Phương pháp**

a, b) Với biểu thức có chứa dấu ngoặc, ta thực hiện phép tính trong ngoặc trước

c) Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng

d) Áp dụng công thức  $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$ **Lời giải**

a)  $8,64 : (1,46 + 3,34) + 6,32 = 8,64 : 4,8 + 6,32$

$$= 1,8 + 6,32$$

$$= 8,12$$

b)  $(2,34 + 0,87 - 1,5) \times 6 + 9,756 = (3,21 - 1,5) \times 6 + 9,756$

$$= 1,71 \times 6 + 9,756$$

$$= 10,26 + 9,756$$

$$= 20,016$$

c)  $7,5 + 6,5 + 5,5 + 4,5 + 3,5 + 2,5 = (7,5 + 2,5) + (6,5 + 3,5) + (5,5 + 4,5)$

$$= 10 + 10 + 10$$

$$= 30$$

d)  $96,28 \times 3,527 + 3,527 \times 3,72 = 3,527 \times (96,28 + 3,72)$

$$= 3,527 \times 100$$

$$= 352,7$$

**Câu 2.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp điền vào chỗ trống là:

a)  $3 \text{ km}^2 57690 \text{ m}^2 = \dots\dots\dots \text{ km}^2$

b)  $4 \text{ tấn } 8 \text{ tạ} = \dots\dots\dots \text{ tấn}$

c)  $230 \text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

d)  $18,97 \text{ ha} = \dots\dots \text{ km}^2$

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:  $1 \text{ m}^2 = \frac{1}{1000000} \text{ km}^2$ ;  $1 \text{ tạ} = \frac{1}{10} \text{ tấn}$

$$1 \text{ dm}^2 = \frac{1}{100} \text{ m}^2$$
;  $1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$

**Lời giải**

a)  $3 \text{ km}^2 57690 \text{ m}^2 = \mathbf{3,057690} \text{ km}^2$

b)  $4 \text{ tấn } 8 \text{ tạ} = \mathbf{4,8} \text{ tấn}$

c)  $230 \text{ dm}^2 = \mathbf{2,3} \text{ m}^2$

d)  $18,97 \text{ ha} = \mathbf{0,1897} \text{ km}^2$

**Câu 3.** Đường kính của một bánh xe đạp là 60 cm. Để người đi xe đạp đi được quãng đường 1884m thì mỗi bánh xe phải lăn bao nhiêu vòng?

**Phương pháp**

- Tìm chu vi của bánh xe = Đường kính x 3,14
- Đổi sang đơn vị m
- Tìm số vòng = quãng đường : chu vi bánh xe

**Lời giải**

Chu vi của bánh xe là

$$60 \times 3,14 = 188,4 \text{ (cm)} = 1,884 \text{ m}$$

Để đi được quãng đường 1884m thì mỗi bánh xe phải lăn số vòng là

$$1884 : 1,884 = 1000 \text{ (vòng)}$$

Đáp số: 1000 vòng

**Câu 4.** Một vùng trồng lúa dạng hình chữ nhật có chiều rộng kém chiều dài 120 m. Chiều dài bằng  $\frac{5}{3}$  chiều rộng.

- Diện tích của vùng trồng lúa là bao nhiêu héc-ta?
- Năng suất lúa trung bình của vùng này là 5,8 tấn trên mỗi héc-ta. Hỏi sản lượng lúa của cả vùng là bao nhiêu tấn?

**Phương pháp**

- Vẽ sơ đồ
  - Tìm hiệu số phần bằng nhau
  - Tìm giá trị của 1 phần
  - Tìm chiều dài và chiều rộng

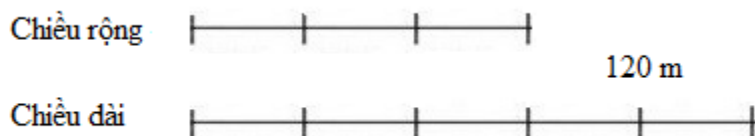
Diện tích = chiều dài x chiều rộng

Đổi sang đơn vị héc-ta

- Sản lượng lúa của cả vùng = Năng suất lúa trên mỗi ha x Diện tích của vùng trồng lúa

**Lời giải**

- Ta có sơ đồ:



Hiệu số phần bằng nhau là:

$$5 - 3 = 2 \text{ (phần)}$$

Giá trị của 1 phần là:

$$120 : 2 = 60$$

Chiều rộng là:

$$60 \times 3 = 180 \text{ (m)}$$

Chiều dài là:

$$180 + 120 = 300 \text{ (m)}$$

Diện tích của vùng trồng lúa là:

$$180 \times 300 = 54\,000 \text{ (m}^2\text{)}$$

$$\text{Đổi: } 54\,000 \text{ m}^2 = 5,4 \text{ ha}$$

b) Sản lượng lúa của cả vùng là:

$$5,8 \times 5,4 = 31,32 \text{ (tấn)}$$

Đáp số: a) 5,4 ha

b) 31,32 tấn lúa